

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/DS - ST

Ngày: 30/01/2026

*V/v: Tranh chấp về nghĩa vụ thanh
toán thù lao trong hợp đồng ủy quyền*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Trung Lợi.

2. Ông Hoàng Đình Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T5 Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST - DS ngày 10/10/2025 về Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán thù lao trong hợp đồng ủy quyền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX ST- DS ngày 30 tháng 12 năm 2025; Quyết hoãn phiên tòa số 07/QĐST-DS ngày 13/01/2026; Thông báo mở lại phiên tòa số 32/TB-TA ngày 15/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Xuân T**, sinh năm 1952. Số định danh cá nhân: xxx. Địa chỉ: Số nhà x, Tổ y, khu v, phường N, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1953. Số định danh cá nhân: 0251..... Địa chỉ: Thôn K, xã C, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người làm chứng:

+ Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1954.

+ Bà **Đào Thị Bích T**, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Khu x, xã L, tỉnh Phú Thọ. Ông B, bà T đều có mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1955, địa chỉ: Khu 1, xã H1, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Anh **Trần Văn T2**, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn X, xã Y1, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai, tại phiên tòa ông Trần Xuân T trình bày:*

Năm 2021, thông qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Thanh B và vợ là bà Đào Thị Bích T (bà T trước đây là vợ cũ của ông Nguyễn Văn T3- anh trai ruột của bà Nguyễn Thị L đã mất năm 2007), tại nhà Ông B và bà T, ông Trần Xuân T đã gặp gỡ bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị H (là em gái của bà L) khi này bà L đang là nguyên đơn khởi kiện vụ án chia di sản thừa kế tại Tòa án, bà H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà T đại diện cho hai con gái là Nguyễn Thùy D và Nguyễn Bích Ng (2 chị là con của bà T với của ông Nguyễn Văn T3 (đã chết), là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), Ông T, bà L, Bà H, bà T đã thỏa thuận cho Ông T là người đại diện theo ủy quyền cho bà L, bà H, cháu D, cháu Ng và thỏa thuận các bên phải trả thù lao cho ông Trần Xuân T với chi phí là 20% giá trị tài sản mà người ủy quyền được nhận theo quyết định của Tòa án. Sau đó bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T thực hiện ký giấy ủy quyền ngày 10/11/2021 được chứng thực tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Phú Thọ, số chứng thực 2234 quyền số 02/2021TP/CC-SCC/HĐGD. Ông T đã thực hiện công việc ủy quyền tham gia tố tụng tại các cấp xét xử, tại bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Phú Thọ đã quyết định chia di sản thừa kế trong đó bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích 198m² đất (trong đó có 50m² đất ở và 148m² đất vườn) tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 30, địa chỉ khu 5 thị trấn H1, huyện H1, tỉnh Phú Thọ, trị giá 545.200.000 đồng, trên đất có cây xoan, cây mít và cây cau. Việc thực hiện ủy quyền giữa Ông T và bà L ở giai đoạn xét xử đã xong. Vì trong Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021 hai bên công chứng tại Phòng công chứng số 02, tỉnh Phú Thọ thì việc ủy quyền chưa thể hiện rõ nội dung thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự (CCTHADS) huyện H1, tỉnh Phú Thọ, nên hai bên tiếp tục làm Giấy ủy quyền ngày 10/10/2023 tại Phòng Công chứng Hoàng Thị Kim Hoà để ủy quyền là cho Ông T được làm đơn yêu cầu thi hành án và trực tiếp giao dịch làm việc với cơ quan thi hành án dân sự để thi hành Bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của TAND huyện H1, tỉnh Phú Thọ và Quyết định đình chỉ số 09/2023/QĐ-PT ngày 13/6/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong các Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021, ngày 10/10/2023 Ông T và bà L không ghi về thù lao chi phí của việc ủy quyền mà chỉ có thỏa thuận bằng miệng là 20% giá trị tài sản bà L sẽ được nhận theo quyết định của Tòa án, thời điểm thỏa thuận thù lao Ông T đã yêu cầu lập thành văn bản, hợp đồng có mặt Ông B, bà L, bà H, bà T, Ông T nhưng bà L, bà H, bà T đều nói không cần làm thành văn bản và cam kết sẽ trả thù lao đầy đủ như thỏa thuận cho Ông T. Quá trình thực hiện ủy quyền thì bà L đã 03 lần tạm ứng cho Ông T tổng số tiền thù lao là 40.000.000 đồng (vào các ngày 10/11/2021 ứng 10.000.000 đồng, 15/6/2023 ứng 10.000.000 đồng, ngày 17/8/2023 ứng tiếp 20.000.000 đồng), tương tự như vậy thì bà T, bà H cũng ứng cho Ông T mỗi người số tiền là

40.000.000 đồng. Quá trình thực hiện việc ủy quyền, tham gia tố tụng Ông T đều đảm bảo quyền lợi cho bà L. Ở giai đoạn thi hành án Ông T đã tham gia việc nộp đơn yêu cầu thi hành án, theo đó Chi cục thi hành án dân sự huyện H1, tỉnh Phú Thọ cũ đã giải quyết đến giai đoạn ra quyết định cưỡng chế thi hành án. Tuy nhiên khi cơ quan thi hành án đang chuẩn bị thực hiện việc cưỡng chế thi hành án thì bà L và người nhà là anh Trần Văn T2 (là con trai của bà Nguyễn Thị T5, bà T5 là em gái ruột của bà Nguyễn Thị L) đã tự mua bán đất với nhau, ngày 12/12/2024, bà L đã có đơn yêu cầu đình chỉ thi hành án huỷ uỷ quyền. Ngày 27/12/2024 Chi cục thi hành án dân sự huyện H1, tỉnh Phú Thọ có gửi Thông báo số 614/TB-THA ngày 23/12/2024 kèm Đơn đề nghị đình chỉ thi hành án huỷ uỷ quyền của bà Nguyễn Thị L cho Ông T, thông báo yêu cầu Ông T đến làm việc ngày 27/12/2024, Ông T không nhất trí việc dừng uỷ quyền của bà L, nên đã khởi kiện yêu cầu tiếp tục thực hiện việc uỷ quyền này tại Tòa án huyện Văn Chấn và không được chấp nhận yêu cầu. Cùng với thời điểm chấm dứt việc uỷ quyền của bà L thì bà H cũng yêu cầu chấm dứt uỷ quyền như bà L, Ông T cũng đã khởi kiện bà H đến Tòa án, sau đó bà H đã tự chủ động trả đủ tiền thù lao uỷ quyền theo thỏa thuận cho Ông T là 69.000.000 đồng và được Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Phú Thọ cũ ra quyết định công nhận thỏa thuận. Về phía bà L cho đến nay chưa thanh toán thêm cho Ông T bất cứ khoản tiền nào khác. Việc bà L tự chấm dứt hợp đồng uỷ quyền là vi phạm nghĩa vụ của bà L trong hợp đồng uỷ quyền nên Ông T khởi kiện yêu cầu bà L phải thanh toán đầy đủ số tiền thù lao theo thỏa thuận trước đó là $20\% \times 545.200.000$ đồng (giá trị tài sản bà L được nhận theo quyết định của Tòa án) = 109.000.000 đồng, Ông T đã được bà L ứng trả 40.000.000 đồng, còn lại số tiền thù lao chưa thanh toán là 69.000.000 đồng. Yêu cầu Tòa án buộc bà L thanh toán tiền thù lao hợp đồng uỷ quyền là 69.000.000 đồng, không yêu cầu bà L bồi thường gì khác.

Tòa án đã tiến hành triệu tập bà L đến Tòa án giải quyết nhưng đều vắng mặt, không có lý do.

* Lời khai của bà Nguyễn Thị L thể hiện tại bản án số 03/2025/DS-ST ngày 18/6/2025 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái cũ và bản án số 26/2025/DS-PT ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thể hiện:

“Bà L được ông Nguyễn Thanh B (có vợ là Đào Thị Bích T) giới thiệu ông Trần Xuân T là bạn thân của Ông B, tại nhà Ông B có bà L, bà T, bà H (em gái của bà L), Ông T thỏa thuận về việc uỷ quyền cho Ông T, quá trình trao đổi thỏa thuận bà L và Ông T có thỏa thuận về thù lao, Ông T nói là “với người ngoài là 20% giá trị tài sản được nhận theo bản án của Tòa án nhưng người nhà thì không đến thế đâu”. Sau đó bà L và Ông T có ký kết giấy uỷ quyền ngày 10/11/2021 tại Phòng công chứng số 02 tỉnh Phú Thọ và giấy uỷ quyền ngày 10/10/2023 để Ông T thay mặt bà L tham gia tố tụng tại Tòa án và làm đơn thi hành án dân sự, làm việc trực tiếp với cơ quan thi hành án lấy phần đất đã được Tòa án chia cho bà theo bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Phú Thọ, việc uỷ quyền là tự nguyện, quá trình làm các giấy uỷ quyền đều không ghi rõ về thù lao vào hợp đồng, nhưng bà L đã trả tiền cho Ông T nhiều lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Sau khi đưa đủ số tiền 40.000.000 đồng thì

không đưa thêm khoản tiền nào khác cho Ông T. Sau khi ủy quyền các bên đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện ủy quyền, có thông báo đầy đủ tiến trình thực hiện việc ủy quyền cho nhau, Ông T đã thực hiện xong việc ủy quyền ở giai đoạn tố tụng tại Tòa án. Quá trình thi hành án dân sự, ngày 12/12/2024 bà L và người phải thi hành án đã tự thỏa thuận được với nhau về mọi nội dung thi hành án, đồng thời bà L làm đơn đề nghị đình chỉ Thi hành án hủy ủy quyền, việc bà viết đơn đề nghị đình chỉ thi hành án hủy ủy quyền ngày 12/12/2024 là ý kiến chấm dứt việc ủy quyền với Ông T, không tiếp tục ủy quyền cho Ông T nữa. Ngày 30/12/2024 bà L tiếp tục có xác nhận việc bà chấm dứt việc ủy quyền cho Ông T gửi cho CCTHADS huyện H1. Lý do chấm dứt việc ủy quyền với Ông T là do tình cảm anh em ruột trong nhà của bà L đã hiểu nhau nên bà L đã tự thỏa thuận thi hành án với ông Toán mà không cần phải có cơ quan thi hành án can thiệp nữa, bà L không có thỏa thuận nào với anh Trần Văn T2”

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2025 đối với bà Nguyễn Thị L có trong tiểu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm về Tranh chấp hợp đồng ủy quyền số 02/2025/TLST- DS ngày 03/02/2025 giữa nguyên đơn Trần Xuân T và bị đơn Nguyễn Thị L của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái cũ, được Tòa án khu vực 4- Lào Cai tiến hành khai thác, thể hiện nội dung: “ Khi nào bà L nhận được tài sản được hưởng là thửa đất theo bản án của Tòa án thì bà L sẽ thanh toán tiền thù lao việc thực hiện ủy quyền cho Ông T, còn mức thù lao ủy quyền bao nhiêu thì do bà L và Ông T chưa thỏa thuận cụ thể là bao nhiêu và cũng chưa nhận được đất chưa có tiền để thanh toán nên bà L chưa xác định mức thù lao cụ thể trả cho Ông T là bao nhiêu, còn số tiền Ông T yêu cầu 160 triệu thì bà L không nhất trí”.

* Ngày 20/10/2025 và ngày 23/01/2026 Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai nhận đơn xét xử vắng mặt từ người gửi tên Nguyễn Thị L (đơn không có chứng thực chữ ký, chữ viết) với nội dung: “Tôi là Nguyễn Thị L, sinh năm 1953, địa chỉ thôn Khe x, xã C, tỉnh Lào Cai là bị đơn trong vụ án do nguyên đơn ông Trần Xuân T khởi kiện, tôi không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Ông T... Bởi vì hai bên không có thỏa thuận nào khác về vật chất, ngoài khoản tiền 40.000.000 đồng đã đưa cho Ông T, Ông T không đưa bất kỳ tờ giấy ký nhận nào. Việc bà hủy ủy quyền với Ông T là do Ông T làm việc thiếu lương tâm, đạo đức và không hiệu quả nên tôi đã chủ động làm mọi việc... Quá trình giải quyết do già yếu, đang điều trị tiểu đường, đường xá đi lại xa, còn phải trông cháu nên xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết”.

*Những người làm chứng trình bày:

Ông Nguyễn Thanh B: Do có sự tranh chấp về di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn Tân và cụ Trần Thị Lục là bố mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quốc Tấn (đã chết năm 2007 có hai người con là Nguyễn Thùy D và Nguyễn Bích Ng), bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị Cúc, ông Nguyễn Quốc Toán, ông Nguyễn Quốc T6 để lại khi qua đời, năm 2021 bà L đã làm đơn khởi kiện ông Toán ra Tòa án để yêu cầu chia di sản thừa kế, quá trình Tòa án giải quyết ông Toán và các đương sự khác trong vụ án cố tình vắng mặt không hợp tác

gây nhiều khó khăn cho bà L, bà H nên họ muốn tìm người am hiểu pháp luật để trực tiếp giải quyết vụ án, xuất phát từ mối quan hệ trong gia đình (vợ ông là bà Đào Thị Bích T có con là Nguyễn Thùy D và Nguyễn Bích Ng với ông Nguyễn Văn T3 (đã chết)) Ông B đã giới thiệu ông Trần Xuân T là bạn học cấp 3 cho bà L, bà H, bà T. Sau khi bà L, Huệ trực tiếp gặp Ông T tại gia đình Ông B, bà T thì bà L, bà H, bà T đã trao đổi, bàn bạc thống nhất đều ủy quyền cho Ông T trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp để giải quyết vụ án và phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự để thi hành phán quyết của Tòa án đảm bảo quyền lợi ích cho họ và các bên thỏa thuận miệng về chi trả thù lao cho Ông T theo tỷ lệ 20% trị giá tài sản được nhận theo giá mà Tòa án đã định giá, bà T và bà H đều công nhận việc thỏa thuận thù lao như vậy, đến nay bà H, bà L, bà T đã thanh toán tạm ứng cho Ông T 40.000.000 đồng/01 người, tổng số tiền trả là 120.000.000 đồng, số tiền này các bà H, Lan, Thủy đều trả làm nhiều lần. Ngày 18/5/2025 Ông B có mặt tại nhà bà H được chứng kiến bà H thanh toán tiền thù lao hợp đồng ủy quyền còn lại cho Ông T với số tiền là 69.000.000 đồng, còn phía bà T (đại diện cho cháu Ng và cháu D) vẫn còn nợ tiền thù lao của Ông T vì các cháu chưa nhận được đất, về phía bà L được biết bà L đã tạm ứng cho Ông B 40.000.000 đồng làm nhiều lần, số còn lại chưa thanh toán nên Ông T đang khởi kiện. Ông B không có lợi ích cá nhân gì trong việc ủy quyền giữa Ông T và bà L. Ông B đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bà Đào Thị Bích T: Do Ông B có quan hệ quen biết với người hiểu biết về pháp luật nên bà L, bà H có nhờ tìm người am hiểu pháp luật tư vấn vụ án tranh chấp di sản thừa kế của gia đình, Ông B đã giới thiệu Ông T. Tại nhà bà T với sự có mặt của Ông B thì bà L, bà H, bà T (đại diện cho hai con Nguyễn Thùy D và Nguyễn Bích Ng thuộc diện được chia thừa kế). Tại buổi thỏa thuận thì Ông T, bà L, bà H, bà T đều thống nhất thỏa thuận ủy quyền cho Ông T là đại diện ủy quyền, khi đó Ông T có nói là đồng ý nhận việc ủy quyền nhưng sẽ có mức thù lao là 20% giá trị tài sản mỗi người được nhận theo định giá của Tòa án và Ông T cũng yêu cầu mọi người phải làm hợp đồng ủy quyền. Khi này bà L nói là “thôi bác ạ vì chỗ quen biết giữa anh Thìn và anh Tấn, anh Bình thì bác không cần làm hợp đồng, chúng em sẽ có trách nhiệm thanh toán cho bác đầy đủ tiền công”, lúc này thì bà H và bà T đều nói không cần làm hợp đồng với Ông T. Sau này do Tòa án yêu cầu Ông T và những người ủy quyền phải có giấy tờ ủy quyền theo pháp luật nên các bên mới ký hợp đồng ủy quyền. Việc ký kết hợp đồng ủy quyền giữa Ông T và các bên cụ thể nội dung trong giấy ủy quyền viết như nào thì bà T không biết, chỉ biết là các bên có thỏa thuận ủy quyền và đều thống nhất với nhau phải trả tiền thù lao cho Ông T là 20% giá trị tài sản theo định giá của Tòa án. Sau khi Ông T làm các thủ tục giấy tờ ủy quyền xong xuôi thì trong suốt quá trình Ông T thực hiện ủy quyền thì bà T, bà L, bà H mỗi người đã tạm ứng cho Ông T số tiền là 40.000.000 đồng/ 1 người, tổng cả ba người là 120.000.000 đồng. Đến nay Ông T đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người được ủy quyền đối với người ủy quyền, Tòa án đã giải quyết vụ án chia thừa kế xong ở các cấp, đến giai đoạn thi hành án thì Ông T đang yêu cầu thi hành án cho các bên, lúc này bà T được biết bà L đã yêu cầu chấm dứt hợp đồng với Ông T nguyên nhân chấm dứt việc ủy

quyền cho Ông T là vì cháu Trần Văn T2 là con của bà T5 (bà T5 là em gái của bà L và bà H) có đề cập việc mua lại đất của bà L và bà H với số tiền là 600.000.000 đồng cho cả hai mảnh đất của bà L và bà H, số tiền này được Tiến chuyển vào tài khoản của con trai bà H là Nguyễn Xuân Đình. Sau đó anh Tiến có điện thoại cho bà T nói nội dung đã mua đất của bà L và bà H và nhờ bà T nói với các con gái là cháu D, cháu Ng để bán lại đất của các cháu cho Tiến, khi này bà T đã hỏi lại Tiến là bà L, bà H khi bán đất cho Tiến thì có nói gì về nội dung phải trả hết tiền thù lao ủy quyền cho Ông T không, thì Tiến có nói với bà T là bà L và bà H đều nói là phải trả 20% tiền thù lao cho Ông T, số tiền này Tiến sẽ có trách nhiệm trả cho Ông T với điều kiện là chị Dung chị Ngọc phải bán đất cho Tiến. Bà T trả lời là đất chưa được thi hành án giao cho các bên và bà cũng không có quyền bán đất, các con cũng không có ý định bán đất và khuyên Tiến nên thỏa thuận với Ông T để giải quyết mọi việc êm đẹp. Yêu cầu cơ quan pháp luật giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đường xá xa xôi, đi lại khó khăn, đề nghị vắng mặt tại Tòa án.

Bà Nguyễn Thị H: Bà H và bà L (chị gái bà H), gặp Ông T tại nhà Ông B, bà T (Ông T do Ông B giới thiệu, đồng thời Ông T cũng là bạn của ông Tấn anh trai bà H) đã thống nhất ủy quyền cho Ông T tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp và thi hành án để giải quyết vụ án chia di sản thừa kế, các bên đều tự nguyện nhất trí chi trả các chi phí cho Ông T trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến khi nhận được tài sản phân chia theo quyết định của Tòa án theo tỷ lệ 20% trên giá trị tài sản được chia, nhận theo bản án của Tòa án, Ông T đã yêu cầu lập hợp đồng chi phí như nội dung đã thỏa thuận, song bà H, bà L, bà T đều nói không cần làm văn bản vì chỗ quan hệ quen biết với Ông B và anh Tấn nên Ông T cũng đồng ý, thỏa thuận thù lao thể hiện bằng miệng không lập thành văn bản vì tình cảm anh em tin tưởng nhau. Sau khi thỏa thuận tại nhà Ông B thì Ông T và bà H có đến Văn phòng công chứng để làm giấy ủy quyền, giấy ủy quyền không ghi rõ về thù lao bà H nghĩ là do Ông T coi chị em bà như anh em trong nhà. Sau khi ủy quyền bà L, bà H, bà T đã tạm ứng cho Ông T mỗi người 40.000.000 đồng, ứng nhiều lần. Quá trình ủy quyền Ông T đã thực hiện xong trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp và tại cơ quan thi hành án, để lấy tài sản bà được hưởng. Tuy nhiên, trong khi chờ Cơ quan thi hành án dân sự huyện H1 cưỡng chế thi hành án thì bà H đã chấm dứt việc ủy quyền với Ông T vì lý do anh Tiến (con trai bà T5, bà T5 là em gái bà H) đứng ra mua đất của bà H và bà L với số tiền mỗi ô đất là 300.000.000 đồng, anh Tiến đã chuyển 600.000.000 đồng cho bà H để bà H trả cho bà L, bà H đã trả đủ cho bà L 300.000.000 đồng. Khi mua bán đất bà H đã nói với anh Tiến là bà H và bà L còn phải trả hợp đồng thù lao cho Ông T là 20% giá trị đất, thì lúc này anh Tiến chấp nhận sẽ thanh toán hết số tiền thù lao của bà H và bà L cho Ông T thay cho hai bà. Khi nhận được thông báo khởi kiện của Tòa án huyện H1 về việc Ông T yêu cầu tiếp tục thực hiện ủy quyền bà H thấy Ông T đã thực hiện việc ủy quyền rất vất vả và biết được trách nhiệm của mình nên đã tự thanh toán nốt số tiền 69.000.000 đồng để đủ 20% giá trị tài sản bà H được nhận, việc thỏa thuận trả tiền đã được Tòa án huyện H1, tỉnh Phú Thọ ra quyết định công nhận. Bà H đã thực hiện xong trách nhiệm trả tiền thù lao ủy

quyền cho Ông T, không liên quan đến bà L với Ông T. Đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ngày 17/10/2025 và 27/01/2026 Tòa án nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt (đơn không có chứng thực chữ ký, chữ viết) từ người gửi tên Trần Văn T2 và bản sao chứng thực căn cước công dân mang tên Trần Văn T2, đơn đề nghị với nội dung: "...Việc giao kết chi phí giữa Ông T và bà L, anh Tiến không được biết, anh Tiến không có hứa hẹn gì với Ông T, bà L về bất cứ khoản tiền nào... do bận công việc và ở rất xa nên xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết".

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS), tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

+ Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử HĐXX: Căn cứ 1 Điều 119; Điều 357; Điều 468; Điều 562; khoản 2 Điều 566; khoản 3 Điều 567; khoản 1 Điều 569 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 229; Điều 271; Điều 273 của BLTTDS; Nghị quyết 326: Chấp yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T, buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thù lao của hợp đồng ủy quyền tương ứng với 20% giá trị tài sản bà L được nhận theo quyết định của Tòa án. Theo Bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Phú Thọ, bà Nguyễn Thị L được nhận tài sản có giá trị 545.200.000 đồng, tương ứng tiền thù lao ủy quyền là 109.040.000 đồng trừ số tiền bà L đã trả là 40.000.000 đồng, số tiền còn lại bà L phải thanh toán là 69.040.000 đồng (Ông T chỉ yêu cầu 69.000.000 đồng). Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên bị đơn phải chịu án phí; đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán thù lao trong hợp đồng ủy quyền, yêu cầu bị đơn thanh toán tiền thù lao của hợp đồng ủy quyền. Bị đơn bà Nguyễn Thị L cư trú tại Thôn K, xã C, tỉnh Lào Cai. Đây là tranh chấp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS là đúng thẩm quyền.

Ngày 20/10/2025, Tòa án nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi tên người gửi là Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, đơn này không được chứng thực chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị L nên chưa đủ căn cứ xác định ý chí thực sự của đương sự. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ngày 13/01/2026 Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Sau đó, Thông báo mở lại phiên tòa đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho bị đơn và những người tham gia tố tụng liên quan theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bà L và anh Trần Văn T2 vắng mặt. Các ngày 23/01/2026 và 27/01/2026, Tòa án tiếp tục nhận được đơn xin xét xử vắng mặt ghi tên Nguyễn Thị L và Trần Văn T2, nhưng các đơn này đều không có chứng thực chữ ký, chữ viết. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đối với người làm chứng là bà H vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án đã có lời khai thể hiện ý kiến và có yêu cầu được giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người làm chứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Trần Xuân T thay mặt, nhân danh bên ủy quyền liên hệ với Tòa án các cấp và Cơ quan thi hành án để tham gia giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Nguyễn Ngọc Toán. Bà L và Ông T đã ký kết Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021 công chứng tại Phòng Công chứng số 02 tỉnh Phú Thọ số công chứng 2234, quyền số 02/2021TP/CC-SCCC/HĐGD ngày 10/11/2021(sau đây viết tắt là Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021), Giấy ủy quyền ngày 10/10/2023 công chứng tại Phòng Công chứng Hoàng Thị Kim Hòa, thị trấn H1, tỉnh Phú Thọ số công chứng 536, quyền số 01/2023TP/CC-SCCC/HĐGD ngày 10/10/2023 (sau đây viết tắt là Giấy ủy quyền ngày 10/10/2023).

Quá trình thực hiện ủy quyền Ông T được bà L ứng trả tiền thù lao nhiều lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, Ông T đã thực hiện xong công việc ủy quyền tham gia tố tụng tại các cấp Tòa án, theo Bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Phú Thọ bà Nguyễn Thị L được chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất 198 m² trị giá 545.200.000 đồng, địa chỉ tại khu 5, thị trấn H1, huyện H1, tỉnh Phú Thọ cũ; Ông T thay mặt bà L làm đơn yêu cầu thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện H1, tỉnh Phú Thọ (sau đây viết tắt là CCTHADS huyện H1), quá trình đợi cưỡng chế thi hành án bà L đã thỏa thuận được việc thi hành án với người phải thi hành án nên đã đơn phương chấm ủy quyền với Ông T, đề nghị đình chỉ thi hành án dân và được CCTHADS huyện H1 xác nhận thực hiện xong nghĩa vụ theo quyết định thi hành án.

Do không đồng ý với việc đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền của bà L, Ông T đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái cũ buộc bà L tiếp tục thực hiện việc ủy quyền. Tại bản án số 03/2025/DS-ST ngày 18/6/2025 Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4- Lào Cai) và bản án số 26/2025/DS-PT ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân

tỉnh Lào Cai đã nhận định Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021, Giấy ủy quyền ngày 10/10/2023 được ký kết giữa Ông T và bà L là đúng quy định pháp luật, có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên và xác định là ủy quyền có thù lao, bà Nguyễn Thị L đơn phương chấm dứt thực hiện việc ủy quyền với ông Trần Xuân T là đúng quy định.

Trong vụ án này yêu cầu của ông Trần Xuân T về việc buộc bà Nguyễn Thị L thanh toán tiền thù lao hợp đồng ủy quyền là yêu cầu phát sinh từ việc chấm dứt hợp đồng ủy quyền, không trùng với yêu cầu buộc tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền đã được Tòa án giải quyết tại Bản án số 03/2025/DS-ST ngày 18/6/2025 và Bản án số 26/2025/DS-PT ngày 27/8/2025. Việc Tòa án xác định bà L đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền là đúng quy định pháp luật không làm chấm dứt nghĩa vụ thanh toán thù lao theo quy định tại khoản 1 Điều 569 của Bộ luật Dân sự: *“1. Trường hợp ủy quyền có thù lao, bên ủy quyền có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào, nhưng phải trả thù lao cho bên được ủy quyền tương ứng với công việc mà bên được ủy quyền đã thực hiện và bồi thường thiệt hại. Do đó, yêu cầu thanh toán tiền thù lao của ông Trần Xuân T được xem xét giải quyết trong vụ án này.*

[2.2] Xét về mức thù lao: Từ lời trình bày thống nhất của những người làm chứng gồm ông Nguyễn Thanh B, bà Đào Thị Bích T và bà Nguyễn Thị H thể hiện: Trước khi ký kết các Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021, Giấy ủy quyền ngày 10/10/2023. Tại gia đình vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Đào Thị Bích T thì bà H, bà T, bà L đã thỏa thuận để Ông T là người đại diện tham gia giải quyết vụ án “Tranh chấp di sản thừa kế là quyền sử dụng đất” tại Tòa án các cấp và cơ quan thi hành án, theo đó Ông T yêu cầu trả thù lao mức 20% giá trị tài sản được nhận theo quyết định của Tòa án và mức thù lao này đã được bà L đồng ý.

Việc bà L trình bày Ông T có nói “với người ngoài là 20% nhưng người nhà thì không đến thế đâu” Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày nêu trên của bà L không phủ nhận việc đã có thỏa thuận về mức thù lao 20%, mà chỉ thể hiện sự kỳ vọng chủ quan của bà L về khả năng giảm mức thù lao do quan hệ quen biết. Tuy nhiên, bà L không đưa ra được căn cứ chứng minh giữa các bên đã có thỏa thuận khác thay thế hoặc sửa đổi mức thù lao 20% ban đầu. Mặc dù nội dung thù lao không được ghi nhận trong các giấy ủy quyền, nhưng theo quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015, giao dịch dân sự có thể được xác lập bằng lời nói. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã nhiều lần ứng thanh toán tiền thù lao cho Ông T với tổng số tiền 40.000.000 đồng, Ông T thừa nhận đã nhận số tiền này, thể hiện việc các bên đã thừa nhận hợp đồng ủy quyền là ủy quyền có thù lao.

Ngoài ra, tại Bản án số 03/2025/DS-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (cũ) và Bản án số 26/2025/DS-PT ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án đã xác định Giấy ủy quyền ngày 10/11/2021 và Giấy ủy quyền ngày 10/10/2023 là hợp pháp, có hiệu lực và là hợp đồng ủy quyền có thù lao.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân T đã xác lập hợp đồng ủy quyền có thù lao, với mức thù

lao là 20% giá trị tài sản bà L được nhận theo quyết định của Tòa án, phù hợp với quy định tại Điều 119; Điều 562 và khoản 3 Điều 567 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Về việc thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán thù lao

Xét thấy, bà L thừa nhận ông Trần Xuân T đã thực hiện xong việc đại diện cho bà trong giai đoạn tố tụng tại Tòa án. Kết quả, theo Bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện H1, bà L được chia quyền sử dụng đất diện tích 198 m², trị giá 545.200.000 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ông T tiếp tục đại diện cho bà L làm đơn yêu cầu thi hành án tại Cơ quan THADS huyện H1, tỉnh Phú Thọ.

Việc trong giai đoạn thi hành án, bà L tự thỏa thuận với người phải thi hành án và làm đơn đề nghị đình chỉ thi hành án, đồng thời đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền với Ông T là quyền của bên ủy quyền, được pháp luật cho phép theo khoản 1 Điều 569 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, theo quy định này, trong trường hợp ủy quyền có thù lao, bên ủy quyền khi đơn phương chấm dứt hợp đồng vẫn phải thanh toán tiền thù lao cho bên được ủy quyền tương ứng với công việc đã thực hiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, kết quả mà bà L được hưởng là quyền sử dụng đất theo bản án đã có hiệu lực pháp luật là hệ quả trực tiếp của quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền của Ông T trong giai đoạn tố tụng tại Tòa án, là giai đoạn quyết định việc xác lập quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Việc bà L chấm dứt hợp đồng ủy quyền sau khi bản án đã có hiệu lực và trong giai đoạn thi hành án không làm thay đổi bản chất việc Ông T đã hoàn thành toàn bộ công việc chính của hợp đồng ủy quyền.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Trần Xuân T, buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán tiền thù lao hợp đồng ủy quyền theo thỏa thuận là 20% giá trị tài sản bà L được nhận theo quyết định của Tòa án. Theo Bản án số 15/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện H1, tỉnh Phú Thọ, giá trị tài sản bà Nguyễn Thị L được nhận là 545.200.000 đồng, tương ứng tiền thù lao ủy quyền theo thỏa thuận là 109.040.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã thanh toán cho ông Trần Xuân T số tiền 40.000.000 đồng, được xác định là khoản thanh toán một phần tiền thù lao. Sau khi đối trừ số tiền đã thanh toán, tiền thù lao còn lại theo thỏa thuận là 69.040.000 đồng. Tuy nhiên, ông Trần Xuân T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L thanh toán số tiền 69.000.000 đồng, thấp hơn mức thù lao còn lại theo thỏa thuận. Do đó, bà Nguyễn Thị L còn phải thanh toán cho ông Trần Xuân T số tiền 69.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi chín triệu đồng).

[2.5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T được Tòa án chấp nhận Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.450.000 đồng.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 229; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 119; Điều 357; Điều 468; Điều 562; khoản 2 Điều 566; khoản 3 Điều 567; khoản 1 Điều 569 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T: Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Xuân T tiền thù lao hợp đồng ủy quyền với số tiền là 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.450.000 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4- Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 4- Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hoa Quỳnh

